UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122 /KH-SYT	*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 06 tháng 09năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngành Y tế đến năm 2025.

PHẦN I: THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT NGÀNH Y TẾ

1. Hạ tầng kỹ thuật

Trung bình 01 máy tính/03 cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

100% Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh (KCB) gồm có 2 bệnh viện đa khoa (Bệnh viện Vũng Tàu, Bệnh viện Bà Rịa) và 4 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 8 Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố và 82 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao.

Hệ thống Y tế dự phòng gồm có: Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh, 2 chi cục (An toàn vệ sinh thực phẩm, Dân số Kế hoạch hóa gia đình) và 8 đội Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố và 82 Trạm y tế phường/xã/thị trấn có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao.

Không có kết nối WAN; Không có Trung tâm dữ liệu.

Tất cả các cơ sở khám chữa bệnh từ tỉnh đến huyện, xã đều đã ứng dụng một số phần mềm, tuy nhiên hầu hết những phần mềm này đều chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế vì có nhiều lỗi chương trình và tốc độ xử lý dữ liệu quá chậm; không phục vụ cho việc quản lý của lãnh đạo bệnh viện, cũng không có tính năng trợ giúp chuyên môn cho nhân viên y tế và cũng không giúp cho Sở Y tế thu thập số liệu thống kê bệnh viện; nên phải sử dụng thêm nhiều phần mềm hỗ trợ khác.

Việc triển khai phần mềm quản lý bệnh viện mang tính chất đơn lẻ, không thống nhất và không có khả năng liên kết (như Bệnh viện Bà Rịa, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Tâm Thần sử dụng phần mềm HIS do Tập đoàn Vietsen, Bệnh viện Vũng Tàu sử dụng phần mềm Hsoft của công ty tin học Đăng Quang, các TTYT huyện, thành phố sử dụng phần mềm HIS do VNPT cung cấp, …)

Có nhiều công ty cung cấp phần mềm cho các đơn vị trên toàn tỉnh, do đó, phần mềm hệ thống, hệ quản trị cơ sở dữ liệu do các công ty cung cấp không đồng nhất giữa các bệnh viện.

Các phần mềm quản lý xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh thường chạy độc lập, không kết nối với hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện.

2. Các hệ thống nền tảng

Chưa có hệ thống nền tảng, dùng chung cho các ứng dụng của đơn vị, địa phương để tích hợp dữ liệu về một đầu mối từ đó có khả năng cung cấp và chia sẻ dữ liệu giữa các bệnh viện, với Bộ Y tế và nền tảng tích hợp LGSP (Local Government Service Platform) của tỉnh. Các bệnh viện, cơ sở y tế không thể kết nối trực tiếp vào LGSP của tỉnh được. Trong khi đó, Sở Y tế bắt buộc phải có một đầu mối để quản dữ liệu này để có thể kết nối và chia sẻ các dữ liệu chuyên ngành về LGSP của Bộ Y tế và các ngành liên quan.

3. Phát triển dữ liệu

Chưa xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL chuyên ngành).

4. Các ứng dụng, dịch vụ

4.1.Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý điều hành và cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Xây dựng trang thông tin điện tử Sở Y tế. Đăng tải kịp thời các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, định hướng phát triển ngành; cung cấp thông tin liên quan đến sức khỏe đến người dân.

Triển khai áp dụng các phần mềm quản lý văn bản với các Sở, ban, ngành và trong toàn ngành Y tế (từ Bộ Y tế đến Trạm Y tế).

Cải cách thủ tục tục hành chính: sử dụng phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, với 181 TTHC: mức 4 là 76 TTHC, mức 3 là 50 TTHC, mức 2 là 47 TTHC và 08 thủ tục hành chính tiếp nhận tại Sở Y tế; Sở Y tế đã ký hợp đồng với Bưu điện tỉnh trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu điện; phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện liên thông 02 thủ tục.

Ý kiến chỉ đạo và các văn bản được phổ biến nhanh, kịp thời, giảm được chi phí và thời gian. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính (khi có yêu cầu), công khai minh bạch hơn trong cung cấp và giải quyết thủ tục hành chính, giảm phí cho người dân, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử.

4.2. Ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT)

Kết quả triển khai phần mềm: 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã triển khai phần mềm quản lý KCB và thanh toán BHYT theo đúng quy định.

Kết quả thực hiện trích xuất đầu ra dữ liệu các bảng theo phụ lục Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế: 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đều trích xuất được dữ liệu đầu ra theo quy định.

Kết quả đẩy dữ liệu lên Cổng giám định BHYT và Cổng dữ liệu của Bộ Y tế: thực hiện theo Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Công văn số 2782/BYT-BH ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế về việc thực hiện trích chuyển dữ liệu điện tử khám bệnh, chữa bệnh. Đến thời điểm hiện tại tất cả hồ

sơ KCB được đẩy tự động lên Cổng dữ liệu Bộ Y tế và Cổng giám định BHYT theo đúng quy định. Theo báo cáo kết quả giám định trực tuyến hồ sơ gửi đúng ngày trung bình đạt >98%.

Kiểm tra thông tuyến trong KCB BHYT: hiện tại tất các cơ sở y tế đều thực hiện được việc kiểm tra thông tuyến thông qua Cổng giám định BHYT.

4.3. Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân:

Triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe người dân tại 82/82 Trạm Y tế. Đến tháng 12/2021 đã lập được 1.165.558 hồ sơ, đạt 85% chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tuy nhiên, hồ sơ sức khỏe chưa có đầy đủ thông tin, chưa kết nối được với dữ liệu phát sinh của các lần khám, chữa bệnh của người dân tại các cơ sở y tế trong tỉnh.

4.4. Quản lý, kết nối các cơ sở cung ứng thuốc:

Thực hiện Chỉ thị 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 135/KH-SYT ngày 03/10/2018 về việc Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua, Sở Y tế đã chú trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành các cơ sở kinh doanh thuốc thực hiện liên thông kết nối nhằm kiểm soát nguồn gốc xuất xứ của thuốc và đã đạt được một số kết quả nhất định. Kết quả:

Tỷ lệ cấp tài khoản liên thông kết nối cơ sở cung ứng thuốc: Nhà thuốc: 453/453 (tỷ lệ 100%); Quầy thuốc: 618/573 (tỷ lệ 92.7%).

4.5. Hệ thống Đơn thuốc Quốc gia:

Thực hiện Thông tư số 27/2021/TTBYT về quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử; Giám sát việc kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú theo quy định tại Thông tư số 52/2017/TT-BYT và Thông tư số 18/2018/TT-BYT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế đã ban hành Văn bản số 2823/SYT-NV ngày 20/6/2022 về việc khẩn trương triển khai Thông tư số 27/2021/TTBYT về quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử; Văn bản sô 2936/SYT-NV ngày 28/06/2022 về việc tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú;

Sở Y tế đang tiến hành cấp mã định danh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và mã người hành nghề cho đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý thông qua Hệ thống đơn thuốc quốc gia;

Chỉ đạo các đơn vị khám chữa bệnh thực hiện việc kê đơn thuốc theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của bệnh viện (được xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện);

Chỉ đạo Hội đồng thuốc và điều trị của các bệnh viện chú trọng công tác kiểm tra, giám sát kê đơn an toàn, hợp lý và hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú theo quy định tại Thông tư số 52/2017/TT-BYT và Thông

tư số 18/2018/TT-BYT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặc biệt tại các khoa khám bệnh của bệnh viện và phòng khám trên địa bàn.

4.5. Phần mềm quản lý tiêm chủng mở rộng:

Trung tâm CDC tỉnh và 8/8 TTYT tuyến huyện triển khai phần mềm quản lý tiêm chủng.

5. Nguồn nhân lực

Hiện nay, đa số CB-CCVC trong toàn ngành đều đạt trình độ tin học cơ bản trở lên, đáp ứng được yêu cầu công việc chuyên môn (Tổng CB-CCVC trong toàn ngành: 3.567, trong đó trình độ tin học văn phòng: 43, A: 1364, B: 854, C: 4, trung cấp: 9, cao đẳng: 5, đại học: 17). Các CB-CCVC đều biết sử dụng thư điện tử để liên hệ, xử lý trong công việc, hầu hết CB-CCVC cơ quan sử dụng các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác chuyên môn.

Cơ cấu tổ chức bộ phận quản lý CNTT: Sở Y tế có 01 cử nhân Đại học phụ trách về CNTT và 01 cử nhân cao đẳng CNTT (tăng cường từ Bệnh viện Tâm thần).

Tất cả các đơn vị KCB trực thuộc đều có bố trí nhân viên chuyên trách CNTT. Trình độ chuyên môn: Trung cấp 09, Cử nhân cao đẳng 04, Cử nhân hoặc Kỹ sư 15.

Tuy nhiên, nhân lực về CNTT không đồng đều về quy mô lẫn trình độ giữa các đơn vị. Các bệnh viện tuyến tỉnh có điều kiện để thu hút nhân lực CNTT hơn là các đơn vị tuyến huyện.

6. An toàn thông tin

Công tác bảo đảm an toàn thông tin cho ứng dụng CNTT:

- Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.
- 100% máy chủ và máy trạm cài đặt phần mềm diệt vi rút.
- 100 % đơn vị xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng.

7. Khó khăn, tồn tại

Một số phần mềm quản lý chuyên ngành chỉ phục vụ công tác thống kê báo cáo, chưa phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo điều hành.

Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám chưa bệnh chưa đồng bộ.

Chưa triển khai bệnh án điện tử do chưa cân đối được nguồn kinh phí.

Quản lý hồ sơ sức khỏe chưa liên thông dữ liệu các cơ sở KCB với phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe, chưa có số liệu đầy đủ về người dân tham gia BHYT của từng xã/phường/thị trấn.

Đa số cơ sở cung ứng, buôn bán thuốc trên địa bàn đã trang bị phần mềm liên thông dữ liệu, nhưng tỷ lệ thực hiện còn thấp, do chưa có chế tài và chưa kiểm soát chặt việc kê toa tại các cơ sở khám chữa bệnh ngoài giờ.

Kinh phí đầu tư cho CNTT trong ngành còn thấp, chủ yếu đầu tư cho công tác chuyên môn.

Nhân lực chuyên trách về CNTT thiếu và còn hạn chế về chuyên môn, đặc biệt không có cán bộ chuyên trách về an ninh mạng. Khả năng ứng dụng CNTT trong ngành còn hạn chế, nhất là tuyến cơ sở một số cán bộ còn hạn chế trong việc sử dụng máy vi tính.

Hạ tầng CNTT lạc hậu, xuống cấp trang bị không kịp thời.

Chưa có quy định cụ thể về giá thuê dịch vụ CNTT. Thực hiện các quy định về đấu thầu thuê dịch vụ CNTT, các cơ sở khám chữa bệnh gặp rất nhiều khó khăn về quy trình thực hiện đầu tư.

PHẦN II: NỘI DUNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÀNH Y TẾ ĐẾN NĂM 2025

1. Căn cứ lập Kế hoạch

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ;

Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng;

Thông tư 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/ 2017 của Bộ Y tế quy định về hoạt động y tế từ xa;

Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về Ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế Quy định hồ sơ bệnh án điện tử;

Quyết định số 4159/QĐ-BYT ngày 13/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy định về đảm bảo an toàn thông tin y tế điện tử tại các đơn vị trong Ngành y tế;

Quyết định 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ Y tế phê duyệt đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 – 2025;

Quyết định số 6085/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế phiên bản 2.0;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 5969/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Y tế giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06/08/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phiên bản 2.0;

Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2022;

Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 31/05/2022 của UBND tỉnh về viêc phê duyệt Kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế đến năm 202;

Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 10/06/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Mục tiêu tổng quát:

Ứng dụng CNTT y tế, bảo đảm an toàn thông tin mạng đặt trọng tâm vào Chuyển đổi số trong y tế góp phần xây dựng ngành Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện đại, chất lượng, công bằng, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu cải cách hành chính và xây dựng phát triển chuyển đổi số; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe liên tục, suốt đời.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Ứng dụng CNTT trong quản lý ngành Y tế

- 80% các hệ thống thông tin y tế có yêu cầu chia sẻ, kết nối thông tin được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.
- 90% hồ sơ công việc tại Sở Y tế; 80% hồ sơ công việc của phòng y tế huyện được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế sử dụng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức.
- 100% các chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê trong lĩnh vực y tế phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Bộ Y tế.
- Hoàn thành 100% việc xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan bao gồm: Dự phòng, Nghiệp vụ y, Nghiệp vụ dược, Vệ sinh an toàn thực phẩm, Giám định y khoa, Kiểm nghiệm…
- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.
- 100% công tác báo cáo thống kê y tế tổng hợp được thực hiện qua phần mềm Thống kê y tế.
- 100% cán bộ, nhân viên ngành y tế tham gia Mạng kết nối y tế Việt Nam.
- 100% quản lý tiêm chủng thông qua nền tảng quản lý tiêm chủng quốc gia.

Đến năm 2025, hoàn thiện thể chế và các khung khổ pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số trong y tế phù hợp với định hướng 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

3.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công; 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%.

3.3. Bảo đảm an toàn thông tin

- 100% máy chủ, máy trạm của các đơn vị được cài đặt, bảo vệ bởi phần mềm diệt virus.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị xác định và có phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức diễn tập an toàn thông tin định kì một năm một lần cho các đơn vị ngành y tế.

- 100% đơn vị thực hiện và duy trì bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo mô hình "4 lớp".

- 100% đơn vị thực hiện hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo và nhân viên thuộc đơn vị quản lý theo định kỳ.

3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh

- 100% các bệnh viện triển khai bệnh án điện tử và thanh toán không tiền mặt; trong đó các bệnh viện tuyến tỉnh phải ứng dụng bệnh án điện tử thay bệnh án giấy.

- 30% các cơ sở khám chữa bệnh hình thành hệ thống bệnh viện không giấy tờ.

- 70% các bệnh viện triển khai nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đăng ký khám, chữa bệnh trực tuyến.

- Tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên các ứng dụng di động đạt 60%.

3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

- 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử kết nối với các hệ thống thông tin bệnh viện và hệ thống phần mềm quản lý trạm y tế xã.

- 100% các xã triển khai phần mềm quản lý trạm y tế xã đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế, kết nối liên thông với các hệ thống ID y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Trung tâm dữ liệu y tế đáp ứng sự tăng trưởng về thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu y tế (gồm cả DC - Datacenter và DR - Datacenter Recovery).

Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu có cấu trúc:

- Dữ liệu phòng chống dịch;
- Dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử;
- Dữ liệu quản lý cấp đăng ký và lưu hành sản phẩm về dược, trang thiết bị y tế, thực phẩm chức năng;
- Dữ liệu quản lý chứng chỉ hành nghề và cơ sở khám, chữa bệnh;
- Dữ liệu quản lý công khai giá sản phẩm và dịch vụ y tế, giá mua sắm thuốc, vật tư trang thiết bị y tế;
- Dữ liệu hoạt động y tế cơ sở và nhân lực y tế.

Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu phi cấu trúc:

- Dữ liệu thanh toán khám, chữa bệnh BHYT;
- Dữ liệu thông tin y tế và chăm sóc sức khỏe thu thập từ các hệ thống và ứng dụng CNTT y tế.
- Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu lớn:
- Dữ liệu y tế dạng hình ảnh, âm thanh;
- Dữ liệu thông tin y tế và chăm sóc sức khỏe thu thập từ mạng xã hội và các nguồn dữ liệu lớn khác.

Xây dựng hệ thống mạng lưới trực tuyến phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo chuyên môn chẩn đoán, điều trị và phòng chống dịch bệnh ngành y tế;

Hệ thống đường dây nóng ngành Y tế;

Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin và triển khai quản lý, giám sát an toàn thông tin ngành y tế;

Chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho các hệ thống công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc Sở Y tế.

4.2. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống nền tảng

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động các đơn vị:

Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của ngành Y tế đảm bảo việc liên thông kết nối hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc đáp ứng yêu cầu quy định;

Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin chuyên ngành ngành y tế (Y tế dự phòng; Dược; An toàn thực phẩm quốc gia; Trang thiết bị y tế; Khám chữa bệnh; Dân số và KHHGĐ; HIV-AIDS; Sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản;…);

Xây dựng, phát triển, triển khai và duy trì phần mềm quản lý trạm y tế xã đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế, kết nối liên thông với các hệ thống ID y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

Trang bị hệ thống tổng thể đào tạo trực tuyến E-learning bao gồm: Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS); Hệ thống quản lý nội dung học tập (Learning Content Management System - LCMS); Hệ thống Quản lý thi và đánh giá kết quả; Hệ thống Quản lý lớp học trực tuyến.

Tổ chức thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến;

Nâng cấp hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử;

Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo Sở Y tế, kết nối, chia sẻ cung cấp dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

b) Phát triển ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Nâng cấp, duy trì Cổng/trang thông tin điện tử của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh đến các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế; đảm bảo cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Duy trì, vận hành và cập nhật đầy đủ hồ sơ vào hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh; phối hợp rà soát, đồng bộ thủ tục hành chính của Sở Y tế từ Cổng Dịch vụ công quốc gia về Cổng Dịch vụ công tỉnh.

Quản lý dịch vụ khám chữa bệnh trực tuyến thông qua việc xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng CNTT kết nối với hệ thống đăng ký lịch khám chữa bệnh của các bác sĩ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quản lý dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh trực tuyến thông qua việc xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng CNTT kết nối với các bác sĩ chuyên ngành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý điều hành trong lĩnh vực dân số-phát triển.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh.

Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm quản lý và số hóa bệnh viện theo thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xây dựng, phát triển, triển khai hệ thống phần mềm quản trị bệnh viện nhằm quản lý bệnh viện toàn diện; kết nối và cung cấp thông tin cho các hệ thống chuyên ngành;

Đẩy mạnh sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử ở tất cả các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong thanh toán không dùng tiền mặt.

- 50% bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số;

- 50% bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí, viện phí và các giao dịch khác;

- Số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đạt 50%.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Xây dựng, phát triển và duy trì hồ sơ sức khỏe điện tử kết nối với các hệ thống thống tin bệnh viện và hệ thống phần mềm quản lý trạm y tế xã;

Xây dựng, phát triển và duy trì phần mềm quản lý trạm y tế xã đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế, kết nối liên thông với các hệ thống ID y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

Triển khai hệ thống quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, thống kê y tế.

Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Sở Y tế kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và Chính phủ;

Xây dựng, hoàn thiện phần mềm thống kê y tế các cấp và triển khai trên phạm vi toàn ngành.

4.3. Bảo đảm an toàn thông tin

Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

Thường xuyên rà soát, cập nhật cấp độ an toàn hệ thống thông tin và xây dựng, triển khai phương án và đầu tư giải pháp an toàn thông tin để bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được xác định.

Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

Bộ phận chuyên trách CNTT của Sở Y tế định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của ngành y tế.

Xây dựng và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật an ninh dữ liệu y tế và đánh giá rủi ro dữ liệu y tế trên môi trường mạng; kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

Chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho các hệ thống công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc Sở Y tế.

Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các đơn vị ngành y tế.

Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin.

4.4. Phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số y tế, các chương trình truyền thông số, hội thảo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số y tế.

Triển khai hợp tác, đào tạo các chuyên gia chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong y tế gồm các tiêu chuẩn CNTT y tế, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực y tế, làm nòng cốt trong chuyển đổi số y tế.

Lựa chọn, đào tạo, tập huấn nhóm tối thiểu 05 người trong việc triển khai các ứng dụng số trong ngành y tế bao gồm hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế, phần mềm quản lý trạm y tế, hệ thống quản trị bệnh viện, bệnh án điện tử, tư vấn khám, chữa bệnh trực tuyến, đăng ký khám bệnh trực tuyến, thanh toán không tiền mặt trong lĩnh vực y tế. Các chuyên gia này sẽ tiếp tục đào tạo lại cho các cán bộ liên quan ở cơ quan tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong y tế.

Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại về lãnh đạo chuyển đổi số y tế cho các lãnh đạo các đơn vị thuộc Sở Y tế.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thăm quan, học tập học hỏi kinh nghiệm, công nghệ, mô hình triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số ngành y tế tại các tỉnh, thành và các quốc gia trên thế giới. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các viện, trường và đơn vị nghiên cứu, triển khai trong nước thúc đẩy số hóa ngành y tế.

5. Kinh phí thực hiện:

Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước: Hàng năm, trên cơ sở dự án, nhiệm vụ được phê duyệt, Sở Y tế xây dựng dự toán, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định có liên quan.

Đối với nguồn kinh phí chi đầu tư ngân sách nhà nước: Hàng năm, trên cơ sở dự án, nhiệm vụ được phê duyệt, Sở Y tế gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

Ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng tâm trong giai đoạn đến 2025.

Các đơn vị sự nghiệp ưu tiên việc sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên cơ sở sử dụng ngân sách đúng mục đích và hiệu quả.

Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tăng cường thuê dịch vụ CNTT từ các doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong ứng dụng CNTT. Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa theo đúng quy định của pháp luật.

Tập trung quản lý thống nhất, bám sát mục tiêu của kế hoạch và sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực tài chính.

6. Tổ chức thực hiện:

Ngành Y tế ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngành Y tế do Giám đốc làm Trưởng ban, các phó Giám đốc làm Phó Trưởng ban, Lãnh đạo Văn phòng Sở, các phòng; một số đồng chí lãnh đạo các đơn vị làm thành viên Ban chỉ đạo.

1. Bộ phận công nghệ thông tin Sở Y tế

- Làm đầu mối giúp Giám đốc Sở chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Làm đầu mối phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế điện tử, hệ thống các dịch vụ công trực tuyến mức 4 và hiện đại hóa hành chính.

- Làm đầu mối triển khai nhiệm vụ của Nghị Quyết 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về "Đề án Phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030".

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ phận Công nghệ thông tin triển khai thống kê y tế điện tử. Sử dụng cơ sở dữ liệu y tế quốc gia để kết xuất số liệu phục vụ cho công tác kế hoạch, quản lý ngành Y tế.

- Tham mưu, đề xuất với Giám đốc Sở về phân bổ nguồn vốn bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

3. Văn phòng Sở Y tế

- Triển khai thực hiện phần mềm quản lý điều hành văn bản điện tử, tích hợp chữ ký số trong việc ban hành văn bản, tiến tới nền hành chính không sử dụng giấy.

- Phối hợp với Bộ phận Công nghệ thông tin trong việc triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin một cửa điện tử về thủ tục hành chính tại Sở Y tế.

- Phối hợp với Bộ phận công nghệ thông tin xây dựng, triển khai các nhiệm vụ về hiện đại hóa hành chính và quản trị y tế thông minh tại Sở Y tế.

4. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin và khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đến năm 2025 cho phù hợp với sự phát triển của đơn vị và nội dung trong Kế hoạch này. Các đề xuất chuyển đổi số hàng năm gửi về Sở Y tế (Bộ phận Công nghệ thông tin) để tổng hợp và bổ sung vào kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong quá trình thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số y tế, các đơn vị, cá nhân nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản hồi về Sở Y tế (Bộ phận Công nghệ thông tin) để được xem xét giải quyết kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngành Y tế đến năm 2025; đề nghị đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở, các phòng chức năng Sở Y tế triển khai thực hiện./.

(Đính kèm Danh mục các dự án, nhiệm vụ chính triển khai trong giai đoạn đến năm 2025)

Nơi nhận:
- Bộ Y tế (báo cáo) ;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PGĐ SYT;
- Các phòng chức năng của Sở (T/hiện);
- Các đơn vị trực thuộc (T/hiện);
- Website;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Phạm Minh An

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHÍNH TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 122/KH-SYT ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh BRVT)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Ghi chú
I	**Phát triển hạ tầng kỹ thuật**				
1	**Xây dựng và khai thác kho dữ liệu y tế**				
a)	Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu có cấu trúc: - Dữ liệu phòng chống dịch Covid-19 (khai báo y tế, tiêm chủng, xét nghiệm, ca bệnh). - Dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử. - Dữ liệu về lĩnh vực dược, trang thiết bị y tế, thực phẩm, … - Dữ liệu về lĩnh vực khám, chữa bệnh. - Dữ liệu nguồn nhân lực y tế. - Dữ liệu về các lĩnh vực khác của ngành y tế.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
b)	Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu phi cấu trúc: - Dữ liệu thanh toán khám, chữa bệnh BHYT. - Dữ liệu thông tin y tế và chăm sóc sức khỏe thu thập từ các hệ thống và ứng dụng CNTT y tế.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
c)	Xây dựng và thuê hạ tầng kho dữ liệu lớn: - Dữ liệu y tế dạng hình ảnh, âm thanh. - Dữ liệu thông tin y tế và chăm sóc sức khỏe thu thập từ mạng xã hội và các nguồn dữ liệu lớn khác.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
2	**Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc**	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
II	**Số hóa công tác quản trị và chỉ đạo điều hành Sở Y tế**				
1	**Xây dựng và nâng cấp hệ thống thông tin chuyên ngành**				
a)	Đẩy mạnh công tác số hóa lưu trữ của Sở Y tế.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ	2022 -	

			phận liên quan	2025	
b)	Xây dựng hệ thống quản lý cấp chứng chỉ hành nghề, cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
c)	Xây dựng hệ thống quản lý cấp chứng chỉ hành nghề Dược	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
d)	Xây dựng hệ thống quản lý đấu thầu dược	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
2	**Hệ thống thông tin báo cáo chỉ đạo điều hành (Dashboard)**	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
III	**Bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu y tế**				
1	Xây dựng, triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật an ninh dữ liệu y tế và đánh giá rủi ro dữ liệu y tế trên môi trường mạng.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
2	Đào tạo, diễn tập an toàn thông tin mạng định kỳ hằng năm cho các cán bộ kỹ thuật ngành y tế.	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kì, độc lập cho các hệ thống công nghệ thông tin thuộc quản lý của Sở Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
4	Tuyên truyền phổ biến, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng xử lý các mối nguy hại của mã độc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
IV	**Các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống nền tảng**				
1	**Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động các đơn vị**				
a)	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành ngành y tế (Y tế dự phòng; Dược; An toàn thực phẩm; Khám chữa bệnh; Dân số và KHHGĐ; HIV-AIDS; Sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản;…)	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
b)	Hệ thống phần mềm quản lý nhân sự ngành Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ	2022 -	

			phận liên quan	2023	
c)	Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2023	
d)	Hệ thống camera giám sát y tế tuyến cơ sở	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
e)	Triển khai chữ ký số	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
f)	Phần mềm quản lý nghiên cứu khoa học, thư viện ngành	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
g)	Trang bị hệ thống tổng thể đào tạo trực tuyến E-learning	Trường TCYT	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2024	
2	**Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**				
a)	Triển khai Hệ thống Quản lý Hồ sơ sức khỏe toàn dân	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2023	
b)	Nâng cấp, duy trì hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử của Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2023	
c)	Hệ thống đăng ký lịch khám chữa bệnh của các bác sĩ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
d)	Xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng CNTT kết nối với các bác sĩ chuyên ngành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022 - 2025	
3	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh, chữa bệnh**				
a)	Hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin bệnh viện HIS và số hóa bệnh viện theo thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;	Các cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	2022-2023	
b)	Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử theo lộ trình quy định tại	Bệnh viện Bà	Sở Y tế và các	2022-2023	

	Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế	Rịa, Bệnh viện Vũng Tàu	đơn vị liên quan		
c)	Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử theo lộ trình quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh khác trên toàn tỉnh	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	2022-2024	
d)	Đăng ký khám chữa bệnh từ xa	Các cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	2022-2023	
e)	Hệ thống PASC tập trung	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh	2022-2024	
f)	Triển khai hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa	Các cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	2022-2024	
g)	Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt	Các cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế và các đơn vị liên quan	2022-2025	
4	**Ứng dụng công nghệ thông tin chăm sóc sức khỏe nhân dân**				
a)	Xây dựng, phát triển và duy trì phần mềm quản lý trạm y tế xã theo quy định của Bộ Y tế, kết nối liên thông với các hệ thống ID y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;	Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022-2024	
b)	Xây dựng Hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	CC ATTP	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022-2024	
c)	Phần mềm quản lý các bệnh không lây	TTKSBT tỉnh	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022-2023	

d)	Phần mềm quản lý các bệnh truyền nhiễm	TTKSBT tỉnh	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022-2023	
e)	Xây dựng hệ thống quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn	Bộ phận Dược, Sở Y tế	Các đơn vị, bộ phận liên quan	2022-2023	
f)	Xây dựng phần mềm Quản lý sức khỏe học đường	CDC	Sở giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan	2022-2023	
V	**Phát triển nguồn nhân lực**				
	Lựa chọn, đào tạo, tập huấn tối thiểu 05 người đối với từng đơn vị trực thuộc Sở trong việc triển khai các ứng dụng số trong ngành y tế bao gồm hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế, phần mềm quản lý trạm y tế, hệ thống quản trị bệnh viện, bệnh án điện tử, tư vấn khám, chữa bệnh trực tuyến, đăng ký khám bệnh trực tuyến, thanh toán không tiền mặt trong lĩnh vực y tế. Các nhân sự này sẽ tiếp tục đào tạo lại cho các cán bộ liên quan ở cơ quan tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong y tế.	Sở Y tế	Các đơn vị thuộc Sở	2022-2023	